

# NHỮNG BIẾN ĐỔI VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC THỜI TRẦN

Nguyễn Thị Phương Chi (\*)

Nhà Trần sau khi thay thế nhà Lý quản lý đất nước đã có ý thức chú trọng đến nền giáo dục của nước nhà. Rất tiếc rằng tài liệu ghi chép về tình hình giáo dục thời nhà Trần không nhiều và nội dung giáo dục như thế nào thì càng ít ỏi. Chúng ta chỉ biết được tình hình giáo dục thông qua các kỳ thi được sử cũ chép lại. Vì vậy, để khái quát được những nét chính của giáo dục thời Trần cũng là điều không dễ dàng. Mặc dù, giáo dục thời Trần đã được đề cập trong một số luận văn và một số sách thông sử đã xuất bản [3; 7; 5] và đây không phải là đề tài mới nhưng lại chưa có luận văn nào nêu lên những nét chính (hay cơ bản) của giáo dục thời Trần. Vì vậy, trong bài viết này trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước kết hợp với những tư liệu trong chính sử, chúng tôi bước đầu khái quát giáo dục thời Trần ở một số điểm sau.

## 1. Giáo dục Nho học ngày càng phát triển và chiếm ưu thế

Buổi đầu nhà Trần, nhà nước chưa hẳn đã đặt ra mục đích là chỉ tập trung vào học đạo Nho nhằm tuyển chọn những Nho sinh bổ sung vào bộ máy quản lý nhà nước mà như chúng ta thấy, sự phát triển cực thịnh trở thành quốc giáo của Phật giáo từ thời Lý và sự tồn tại của Đạo giáo không chỉ được phản ánh trong sinh hoạt cộng đồng mà còn được phản ánh trong giáo dục khoa cử. Ví dụ: sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (viết

tất là *Toàn thư*) chép: "*Đình Hợi, năm thứ 3 (1227). Thi con các nhà tam giáo (nghĩa là những người nổi nghiệp các nhà Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo -TG)*" [2; tr.8]. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* chép: "*Đời Lý Trần, đều chuộng Phật giáo và Đạo giáo, cho nên buổi ấy chọn người muốn được thông cả hai giáo ấy, dù là chính đạo hay dị đạo, đều tôn chuộng không phân biệt, mà học trò đi thi khoa ấy (khoa tam giáo) nếu không học rộng biết nhiều thì cũng không đỗ được*" [6; tr.152]. Nội dung tư liệu này cho chúng ta biết hai thông tin. Một là Phật giáo và Đạo giáo đều được tôn chuộng không phân biệt. Thứ hai, các học trò đi thi nếu muốn đỗ đạt đều phải học rộng biết nhiều. Tuy nhiên, học rộng là học cái gì và biết nhiều là biết những gì thì không có tư liệu nào viết rõ. Hai mươi năm sau mới thấy sử cũ chép khoa thi tam giáo thứ hai vào năm 1247. *ĐVSKTT* chép: "Mùa Thu, tháng 8 năm Đinh Mùi (1247), thi các khoa thông tam giáo, Ngô Tần (Tần người ở Trà Lộ) đỗ Giáp khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoan (đều người Thanh Hóa), Vũ Vị Phủ (người châu Hồng) đỗ ách khoa" [2; tr.21-22]. Và, từ thời điểm này trở đi không thấy sử cũ chép đến thi tam giáo nữa.

Ngoài ra, mặc dù tư liệu phản ánh không nhiều nhưng những gì mà sử cũ ghi chép cũng giúp chúng ta hiểu phần nào việc giáo dục còn được thể hiện ở bốn cuộc thi tuyển lại viên bằng thể thức

(\*) Viện Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

công văn, thi các *thủ phân* (thủ phân tức là người làm lại ngũ hình) để bổ sung đội ngũ quan lại cho các sảnh, viện. *ĐVSKTT* chép: "Mậu Tý, năm thứ 4 (1228), tháng 2, thi lại viên bằng thể thức công văn (bạ đầu sách). Người nào trúng tuyển thì sung làm thuộc lại ở các sảnh viện"[2; tr.9] và "Tháng 3 năm Giáp Thìn (1304). Thi các thủ phân bằng những lời xét kiện"[2; tr.100]. Đến năm 1393, nhà Trần tổ chức khoa thi thứ tư và cũng là khoa cuối cùng để tuyển lại viên.

Bên cạnh các khoa thi tam giáo, càng ngày nhà nước càng chú trọng đến giáo dục Nho giáo. Mặc dù, về mặt tư tưởng, văn hóa, đạo Phật vẫn giữ địa vị chủ đạo trong đời sống tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. Nhân dân tìm thấy ở đạo Phật lòng từ bi hỷ xả. Đạo Giáo với những nghi lễ thần bí, dầu chưa được tôn sùng như một quốc giáo nhưng đối với đời sống nhân dân cũng có vị trí rất quan trọng. Nhưng, với đạo trị nước thì các vua Trần đã không tìm thấy đường lối trong các giáo lý ấy. Vì thế học tập đạo Nho đã ngày càng trở nên phổ biến.

Thời nhà Trần nền giáo dục Nho học được thể hiện bằng khoa thi đầu tiên vào năm 1232 và đến khoa cuối cùng vào năm 1393, nhà Trần đã tổ chức được 12 khoa thi Thái học sinh (giống như thi Tiến sĩ đời sau) và 01 khoa thi Đình các tiến sĩ. Nhà Trần đã thực sự thông qua giáo dục Nho học để tuyển chọn nhân tài phục vụ đất nước và cũng thông qua học Nho học để từng bước truyền bá hệ tư tưởng Nho giáo. Giáo dục Nho học thời Trần không phát triển với tốc độ mau chóng mà đi dần từng bước *đặt nền móng cho sự phát triển cực thịnh vào thời Lê*

*sau đó*. Có thể đề cập vấn đề này ở những khía cạnh sau:

- *Về tổ chức trường học*. Trường học do nhà nước tổ chức có Quốc tử viện, Quốc học viện. Quốc tử viện không phải dành cho tất cả các đối tượng mà chỉ dành cho con em các văn quan và tụng quan vào học. *ĐVSKTT* chép: "Mùa Thu, tháng 10 năm Bính Thân (1236) cho Phạm ứng Thần làm tri thư Quốc tử viện, trông nom cho con em các văn quan và tụng quan vào học" [2; tr.14]. Việc cho con em các văn quan và tụng quan học Nho giáo lúc này cốt là đào tạo người kế tục sự nghiệp của các thế hệ trước. Song, cùng với sự phát triển của dân tộc, nhu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi phải từng bước kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương nên giáo dục Nho học đã không chỉ dừng lại ở đối tượng con em các quan trong triều (thời điểm 1236) nữa mà đến năm 1253 cùng với việc thành lập Quốc học viện, thì đối tượng vào học đã là *tất cả các nho sĩ* trong nước. *ĐVSKTT* chép: "Tháng 6 năm Quý Sửu (1253), lập Quốc học viện, tô tượng Khổng Tử, Chu Công và á Thánh (tức là Mạnh Tử), vẽ tượng 72 người hiền để thờ... Tháng 9, xuống chiếu cho các nho sĩ trong nước đến Quốc học viện giảng học tứ thư lục kinh"[2; tr.25]. Học Tứ thư gồm Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung; Ngũ kinh gồm: Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu. Theo tư liệu này thì nội dung học tập của các Nho sĩ như trên cũng khá qui củ.

Năm 1281 triều đình cho lập thêm nhà học ở phủ Thiên Trường - Kinh đô thứ hai của nhà Trần (nay thuộc thành

phố Nam Định, tỉnh Nam Định). Sử cũ không ghi rõ đối tượng được vào học mà chỉ cho biết những người thuộc hương Thiên Thuộc không được vào học. Sử chép: "Tân Ty (1281). Mùa Xuân, tháng Giêng, lập nhà học ở phủ Thiên Trường, cấm người hương Thiên Thuộc không được vào học. (Lệ cũ của nhà Trần, quân sĩ Thiên Thuộc không được học văn nghệ, vì là sợ khí lực kém đi)"[2; tr.51].

Hệ thống trường học Nho giáo do nhà nước tổ chức về cơ bản được tập trung chủ yếu ở kinh thành và hoạt động có quy củ: "Nay quy chế ở Kinh đô đã đủ"[2; tr.220]. Bên cạnh trường quốc lập ta còn thấy những trường tư.

*Trường tư* thời Trần có thể kể đến là trường của Chu Văn An, trường của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Sử cũ không cho biết rõ nội dung giảng dạy ở những trường tư như thế nào nhưng học trò của Chu Văn An có người đỗ đạt cao. *ĐVSKTT* chép: "Chu Văn An (người huyện Thanh Đàm), tính người cương trực, ít giao du, sửa mình trong sạch, bền giữ tiết tháo, không cầu danh lợi hiển đạt, ở nhà đọc sách, học vấn tinh thuần, tiếng đồn gần xa, học trò đầy cửa; thỉnh thoảng học trò đỗ đại khoa, vào chính phủ, như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm hành khiển mà đều giữ lễ học trò" [2; tr.176].

Trường của Chiêu Quốc vương từng được mở ở bên hữu phủ đệ, thu hút các văn sĩ bốn phương đến học tập. Sử chép: "Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh, chăm học, thông hiểu kinh sử và lục nghệ, văn chương nhất đời... Từng mở trường học ở bên hữu phủ đệ, học các văn sĩ bốn phương cho học tập,

cấp cho ăn học, dạy bảo nên tài, như bọn Mạc Đĩnh Chi ở Bàng Hà, Bùi Phóng ở châu Hồng 20 người, đều được dùng cho đời" [2; tr.39]. Các trường học ở kinh thành nói chung đã thu hút nhiều nho sĩ đến học. Chiêu Quốc vương còn chu cấp cho các học trò ăn học.

*Trường học ở các địa phương* có thể đã được tồn tại trên thực tế, song tiếc thay chúng ta lại không có tư liệu nào cho biết thực trạng ra sao, cách thức tổ chức như thế nào, mãi đến năm 1397 mới thấy sử cũ chép đến việc nhà Trần *đặt chức giáo thụ ở châu và trấn*: "Tháng 4 năm Đinh Sửu (1397), đặt chức giáo thụ và giám thư khố ở châu và trấn" [2; tr.220]. Một tháng sau vào tháng 5 năm Đinh Sửu (1397), vua Trần Thuận Tông xuống chiếu *đặt học quan ở các châu huyện* thuộc các lộ phủ Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Đông nhằm mở rộng giáo hóa cho dân, Chiếu viết: "Đời xưa, nước có nhà học, đảng có nhà tự, toại có nhà tường (đảng là 500 nhà; toại là làng - Tự và tường là tên trường học), là để tỏ rõ giáo hóa, giữ gìn phong tục, ý trầm rất mộ. Nay quy chế ở Kinh đô đã đủ mà ở châu huyện thì còn thiếu, làm thế nào mở rộng giáo hóa cho dân được? Nên hạ lệnh cho các lộ phủ Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Đông, đều đặt một học quan, cho ruộng công theo thứ bậc khác nhau, phủ châu lớn thì 15 mẫu, phủ châu vừa thì 11 mẫu, phủ châu nhỏ thì 10 mẫu, để cung chi phí cho nhà học (một phần để cúng ngày mồng một, một phần về nhà học, một phần về đèn sách). Quan lộ và quan đốc học dạy bảo học trò cho nên tài nghệ, cứ đến cuối năm chọn người nào ưu tú tiến cử lên triều đình, trầm sẽ thân hành thi để lấy dùng"[2; tr.221].

Rất tiếc *Chiếu* này trong thực tế đã không được thi hành. Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn: "Bấy giờ có chiếu lệnh này, còn gì tốt bằng nữa. Song không thấy thi hành, không phải là bản ý của vua, chỉ là Quý Ly muốn làm việc cướp ngôi, mượn việc ấy để thu phục lòng người mà thôi". Theo nội dung *Chiếu* này thì việc học tập ở các địa phương do quan lộ và quan đốc học dạy các nho sinh. Chế độ dạy học được triều đình trả lương bổng bằng một số ruộng và được quy định cụ thể: Phủ châu lớn thì 15 mẫu, phủ châu vừa thì 11 mẫu, phủ châu nhỏ thì 10 mẫu. Theo lệ thì đến cuối năm chọn người học giỏi thì cử lên triều đình. Như vậy, qua đó chúng ta thấy được việc giáo dục ở các địa phương vào cuối thời Trần đã được đề ra một cách qui củ và được triều đình quan tâm không chỉ đối với các quan lại phụ trách việc dạy học mà còn rất chú trọng đến việc tuyển người tài giỏi ở các địa phương cho triều đình.

*Về nội dung giáo dục Nho học.* Tìm hiểu về giáo dục thì một trong những vấn đề căn bản là tìm hiểu nội dung của nền giáo dục đó như thế nào. Đây là vấn đề không đơn giản, bởi như trên chúng tôi đã đề cập, khó khăn vẫn là ở khâu khan hiếm tư liệu. Song, sự thực là, buổi đầu thời Trần, giáo dục Nho học chưa phải là nội dung duy nhất. Qua các kỳ thi tam giáo đã chứng tỏ rằng, giáo dục được chú trọng đến Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo. Mặc dù, trong suốt thời gian tồn tại của nhà Trần, chúng ta chỉ thấy sử cũ chép đến có 2 kỳ thi tam giáo vào các năm 1227, 1247. Và, khoa thi đầu tiên của nhà Trần là thi tam giáo. Trong khi đó đến năm 1232 nhà Trần mới tổ chức khoa thi tiến sĩ đầu tiên, nhưng nội

dung học tập, thi cử thì mãi đến năm 1253 mới thấy sử cũ ghi chép, theo đó các nho sinh trong nước được giảng học tứ thư lục kinh. Năm 1304, sau hơn nửa thế kỷ kể từ năm 1253, triều đình mới ban hành quy định về việc thi cử và quy định này được áp dụng trong cả nước. Các Nho sinh trong nước phải trải qua bốn kỳ thi: Kỳ thứ nhất thi ám tả; kỳ thứ hai thi kinh Nghi; kỳ thứ ba thi chiếu, chế, biểu; kỳ thứ tư thi đối sách. *ĐVSKTT* chép: "Thi học trò trong nước, phép thi quy định như sau: Trước thi ám tả thiên *Y quốc* và truyện *Mục thiên tử* để loại bớt (truyện *Mục thiên tử* được đào thấy ở trong mộ xưa ở Cấp quận, sách chép truyện Chu Mục vương đi về miền Tây, là bộ tiểu thuyết rất cổ, do Quách Phác đời Tấn chú thích, có 6 quyển). Thứ đến kinh Nghi (những chỗ ngờ trong Ngũ kinh) kinh Nghĩa (những nghĩa lớn trong Ngũ kinh) đề thơ (tức thể cổ thi ngũ ngôn trường thiên) thì hỏi về "Vương độ khoan mãnh", theo luật "tài nan xạ trĩ"; đề phú thì dùng tám vần "Đế đức hiếu sinh, hiệp vu dân tâm". Kỳ thứ ba thì thi chiếu, chế, biểu. Kỳ thứ tư thì thi đối sách"[2; tr.99]. Đến năm Ất Dậu (1345) phép thi không thấy đề cập đến nội dung thi của kỳ thứ 3 tức là thi chiếu, chế, biểu mà thay vào đó là thi Kinh Nghĩa và kỳ thứ tư được thay thế bằng thi phú. *ĐVSKTT* chép: "Mùa Xuân, tháng 3 (1345), thi Thái học sinh, phép thi dùng ám tả và cổ văn, kinh nghĩa, thi phú" [2; tr.150].

Đến năm 1396, triều đình tiếp tục ban hành *Chiếu* về việc *định cách thức thi cử nhân*. Nho sinh cũng phải trải qua bốn kỳ thi nhưng kỳ thi ám tả cổ văn (tức kỳ thứ nhất quy định năm 1345)

không áp dụng nữa, các kỳ thi tiếp theo cũng được quy định nội dung thi với chủ đề cụ thể. Và, cứ năm trước thi hương thì năm sau thi Hội. Đây là lần đầu tiên nhà nước quy định cụ thể về nội dung và cách thức thi. *ĐVSKTT* chép: "Tháng 4 năm Bính Tý (1396), xuống chiếu định cách thức thi cử nhân, dùng thể văn bốn kỳ, bãi bỏ phép viết ám tả cổ văn. Kỳ đệ nhất thi một bài kinh Nghĩa, có các đoạn phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận, từ 500 chữ trở lên; Kỳ thứ hai thi một bài thơ Đường luật, một bài phú cổ thể, hoặc thể ly tao, thể văn tuyển, cũng từ 500 chữ trở lên; Kỳ thứ ba thi một bài chiếu dùng thể Hán, một bài chế, một bài biểu dùng thể tứ lục đời Đường; Kỳ thứ tư thi một bài văn sách, lấy kinh sử hay thì vụ mà ra đề, từ 1.000 chữ trở lên. Cứ năm trước thi hương thì năm sau thi Hội, ai đỗ thì vua thi một bài văn sách để định cao thấp" [2; tr.217]<sup>(1)</sup>. Ngô Thời Sĩ nhận xét: "*Phép khoa cử đời Trần đến đây mới đủ văn tự bốn trường, đến nay còn theo, không thay đổi được. Chọn nhân tài văn học không gì hơn phép này*" [6; tr.154].

## 2. Giáo dục thời Trần và việc đào tạo đội ngũ trí thức quản lý nhà nước

Có học thì có thi. Kết quả của việc học hành được thể hiện qua các kỳ thi. Trong suốt thời gian tồn tại, nhà Trần đã tổ chức được 12 khoa thi Thái học sinh

(giống như thi Tiến sĩ đời sau) và 01 khoa thi Đình các tiến sĩ. Đó là các khoa năm 1232, 1239, 1247, 1256, 1266, 1275, 1304, 1314, 1345, 1374, 1381, 1384, 1393. Theo quy định thì cứ 7 năm tổ chức thi tiến sĩ một lần: "Mùa Thu, tháng 7 năm Bính Ngọ (1246), định lệ thi tiến sĩ, cứ 7 năm một khoa" [2; tr.21]. Song trên thực tế căn cứ vào các khoa thi nêu trên thì nhà Trần gần như không thực hiện được định kỳ 7 năm kể từ khi quy định được ban hành. Thông qua thi cử nhà Trần có thể tuyển chọn được đội ngũ trí thức Nho học có tri thức và trình độ phục vụ nhà nước quân chủ. Hơn nữa khoa cử còn tạo cơ hội cho triều đình chọn những người tiêu biểu bổ sung vào cơ quan giúp việc cho nhà vua. Chúng ta biết rằng cơ quan giúp việc cho nhà vua lúc đầu là Quan Triều cung Hành khiển ty (đến đời vua Trần Dụ Tông niên hiệu Thiệu Phong (1341-1369) thì đổi thành Môn hạ sảnh). Quan lại lúc đầu thì dùng hoạn quan, đến đời vua Trần Dụ Tông thì dùng người đỗ đạt như Nguyễn Trung Ngạn, Lê Cư Nhân. Sự kiện có thể nói là "đột phá khẩu" tấn công vào hành khiển và chức hành khiển sau đó được thay bằng người tài giỏi. Thời vua Trần Nhân Tông sử cũ chép đến việc Hành khiển Lê Tông Giáo khi tuyên đọc tờ chiếu của vua do Hàn lâm viện sĩ phụng chỉ Đình Củng Viên soạn thảo nhưng do Đình Củng Viên không thích Lê Tông Giáo nên đã cố tình dấu đi không đưa cho Lê Tông Giáo đọc trước. Khi ra tuyên đọc Tông Giáo không biết âm nghĩa thế nào phải chờ Đình Củng Viên nhắc cho từng chữ và tiếng nhắc của Củng Viên càng to thì tiếng đọc của Tông Giáo càng nhỏ đã thể hiện sự bất lực của tầng lớp

<sup>(1)</sup> Trong Các nhà khoa bảng Việt Nam, Nxb. Văn học, 1993, tr.57 chép về Đào Sư Tích như sau: "Trạng nguyên khoa Giáp Dần niên hiệu Long Khánh 2 (1374) đời Trần Duệ Tông. Từ thi Hương đến thi Đình ông đều đỗ đầu...". Nhưng mãi đến năm 1396 nhà Trần mới có Chiếu định cách thức thi cử nhân và thi Hương, còn trước đó gọi là thi học trò.

hoạn quan so với tầng lớp nho sĩ trong công việc triều chính. Tuy nhiên, hoạn quan được tin dùng là bởi lòng trung thành mẫn cán và không đòi hỏi quyền lợi nhưng lại tỏ ra không mấy kiến thức và càng ngày càng bất lực trước tầng lớp Nho sĩ.

Đến đầu thế kỷ XIV, tầng lớp Nho sĩ tham gia vào công việc triều chính ngày càng đông. Năm 1323, *ĐVSKTT* chép: "Bấy giờ quan ở trong triều như bọn Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đỗ Thiên Hứ, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dũ, Phạm Mai, (tức Chúc Cố, vì là học trò của Nguyễn Sĩ Cố nên kiêng húy của thầy đổi làm Mai), Phạm Ngộ (tức Chúc Kiên, vì tránh tên của phán thủ Huệ Nghĩa, đổi tên là Ngộ), Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy (Người xã Cổ Định, huyện Nông Cống), Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhân nối nhau làm quan, *nhân tài đầy dẫy...*"[2; tr.147]. Các khoa thi lấy đỗ tiến sĩ khá nhiều. Khoa thi năm 1247: 48 người, khoa thi năm 1256: 43 người, khoa thi năm 1266: 47 người, khoa 1275: 27 người, khoa 1304: 44 người v.v... Chúng ta có thể dẫn ra nhiều tư liệu về những Tiến sĩ thời nhà Trần nổi tiếng tài giỏi và được triều đình trọng dụng. Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên trong khoa thi tháng 3 năm Giáp Thìn (1304). Mạc Đĩnh Chi không chỉ nổi tiếng học giỏi đỗ cao, danh tiếng "Lưỡng quốc trạng nguyên" lẫy lừng đến ngày nay. Ông đã từng làm quan và hoạt động dưới 4 triều vua Trần: Trần Anh Tông (1293-1314), Trần Minh Tông (1314-1329), Trần Hiến Tông (1329-1341) và Trần Dụ Tông (1341-1369). Đỗ cùng khoa thi với Mạc Đĩnh Chi còn có Nguyễn Trung Ngạn (đỗ Hoàng giáp) khi

mới 16 tuổi, đương thì gọi là thần đồng. Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu đã được nhà vua giao cho biên soạn bộ *Hoàng triều đại điển* và bộ *Hình thư* (năm 1339). Sử chép: "Mùa Thu, tháng 8 năm Kỷ Mão sai Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn biên định bộ Hoàng triều đại điển và khảo soạn bộ Hình thư để ban hành"[2; tr.147]. Rất tiếc những tác phẩm này đã thất lạc không còn lưu truyền đến ngày nay. Nguyễn Trung Ngạn đã từng giữ nhiều chức quan trọng, trong đó có thời kỳ ông là người đứng đầu quản lý Kinh đô Thăng Long với chức Đại Doãn Kinh sư (năm 1341).

Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn khoa thi năm 1247. Ông là người chấp bút viết bộ sử đầu tiên của nước ta là bộ *Đại Việt sử ký*. *ĐVSKTT* chép: "Nhâm Thân (1272). Mùa Xuân, tháng Giêng, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc Sử viện giám tu là Lê Văn Hưu vâng chỉ soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* từ Triệu Vũ đế đến Lý Chiêu Hoàng. Cộng 30 quyển, dâng lên, vua xuống chiếu khen ngợi" [2; tr.42].

Những người có trình độ học vấn và có đạo đức còn được triều đình chọn cho vào hầu vua, hầu Đông cung. Sử chép: "Tháng 8 năm 1236, chọn nho sinh thi đỗ cho vào châu hậu (hầu vua -TG), sau thành định lệ" và "Tháng 12 năm Giáp Tuất (1274), chọn người Nho học trong nước người nào có đức hạnh sung vào hầu Đông cung"[2; tr.14, 43].

Đến cuối nhà Trần, đầu nhà Hồ kỳ thi tiến sĩ tháng 8 năm 1400, chúng ta thấy nổi tiếng là Nguyễn Trãi. Ông sinh năm 1380, mặc dù ông chưa có điều kiện đem tài năng phục vụ triều Trần vì trước đó (tháng 3-1400) triều Trần sụp đổ, Hồ

Quý Ly lên ngôi vua, thiết lập nên triều Hồ. Nhưng thời gian ông học tập để đỗ đạt lại là khoảng thời gian 20 năm cuối triều Trần. Tài năng và những cống hiến của ông đối với triều Lê Sơ mãi mãi lưu truyền sử xanh và muôn đời con cháu mai sau. Ngô Thì Sĩ đã nhận xét: "Xem những người đỗ về các khoa cuối đời Trần thì Nguyễn úc Trai là nhất, văn chương mưu trí của ông đã giúp cho triều Lê buổi đầu dựng nước. Sau nữa như Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Túng, đều là văn chương cự phách một thời"[6; tr.154]. v.v...

Giáo dục khoa cử của nhà nước đã tạo cơ hội cho Nho sĩ không chỉ có điều kiện thi thố tài năng, tiến thân trên con đường quan chức mà quan trọng là qua đó nhà nước tuyển chọn được người tài giỏi phục vụ đất nước. Ngô Thì Sĩ đã viết: "Thế mới biết từ Tam đại (nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu -TG) về sau chọn người giỏi bằng khoa cử thì văn nghệ không thiếu được"[6; tr.154].

### 3. Giáo dục đã tạo điều kiện cho chữ Nôm phát triển

Như chúng ta đã biết, thời Trần, chữ Hán được dùng phổ biến trong giáo dục khoa cử và trong các văn tự ở nước ta thời bấy giờ. Tuy nhiên, tư liệu cho biết, bên cạnh chữ Hán, chữ Nôm cũng đã được dùng từ thời nhà Lý. Trong văn bia ở chùa Báo Ân ở xã Thập Miếu, tổng Bạch Trì, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc đề niên hiệu Trị Bình Long ứng năm thứ 5 thì từ thời Lý Cao Tông (1176-1210) chữ Nôm đã được sử dụng theo quy cách đầy đủ. Tác giả Đào Duy Anh sau khi nghiên cứu tấm bia này đã

đi đến nhận xét: "Tất cả 21 chữ Nôm ấy ở văn bia ấy là chứng tích xác tạc tỏ rằng đời Lý Cao Tông chữ Nôm đã viết theo quy cách đầy đủ, tức theo phép giả tá và phép hình thanh phỏng theo phép lục thư của chữ Trung Quốc. Suốt các đời sau, phép viết chữ Nôm ấy vẫn là phép viết chính thống"[1]. Đến thời Trần cùng với sự phát triển của giáo dục Nho học mà chữ Nôm được sử dụng rộng rãi hơn, phát triển hơn. Chữ Nôm - chữ Quốc ngữ lúc bấy giờ dùng trong việc sáng tác thơ phú khá phổ biến. Những tác giả sáng tác bằng chữ Nôm đương nhiên là phải thông thạo chữ Hán. Thời vua Trần Nhân Tông, năm 1282 Nguyễn Thuyên (Hàn Thuyên) làm văn tế cá sấu ở sông Lô (tức sông Hồng ngày nay). Sử chép: "Nhâm Ngọ (1282), mùa Thu, tháng 8. Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô. Vua sai Thượng thư Hình bộ là Nguyễn Thuyên làm văn ném xuống sông, con cá sấu tự đi mất. Vua cho là việc này giống như việc của Hàn Dũ<sup>(2)</sup>, cho đổi họ là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi làm thơ phú quốc âm. Nước ta thơ phú dùng nhiều quốc âm thực bắt đầu từ đây"[2; tr.52]. Đến năm 1306 hình thức sáng tác thơ phú bằng chữ Nôm tiếp tục được sử dụng: "Sai Thiên chương học sĩ là Nguyễn Sĩ Cố giảng Ngũ kinh. Sĩ Cố giống bọn Đông Phương Sóc ngày xưa, giỏi khôi hài, hay làm thơ phú quốc ngữ. Nước ta làm thơ phú quốc ngữ bắt đầu từ đây"[2; tr.100].

Đến cuối thời Trần, Hồ Quý Ly cũng đã dùng Quốc âm để làm sách Thi Nghĩa dạy hậu phi và cung nhân. ĐVSKTT

<sup>(2)</sup> Hàn Dũ, danh sĩ đời Đường của Trung Quốc, làm quan ở Triều Châu, ở đây có nhiều cá sấu.

chép: "Tháng 11 năm Bính Tý (1396), Quý Ly làm sách Thi Nghĩa (nghĩa của Kinh Thi) bằng quốc âm cùng bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử"[2; tr.218]. Những tác phẩm được sáng tác bằng chữ Nôm còn lại đến ngày nay phải kể tới là: Bài phú: *Cư trần lạc đạo* và bài ca *Đắc thú lâm tuyền thành đạo* của Trần Nhân Tông; ; sách *Giải nghĩa Khóa hư lục* của Tuệ Tĩnh. *Khóa hư lục* là bộ kinh nhật tụng của Trần Thái Tông được Tuệ Tĩnh giải nghĩa bằng Quốc âm để đông đảo nhân dân có thể đọc được, học được dễ dàng hơn; *Phi sa tập* do Hàn Thuyên soạn, trong đó có nhiều bài thơ Nôm. Bài phú Nôm của Mạc Đĩnh Chi có tên là: "*Mạc Đĩnh Chi Trạng nguyên tử nhập Minh ty thất nhật, kiến chư địa ngục, tái đắc hoàn sinh giáo tử phú*" (*Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi chết xuống âm ty bảy ngày, thấy hết các địa ngục, được sống lại, làm bài phú dạy con*). Tác phẩm ông viết sau khi đã chết lâm sàng 7 ngày, khi sống lại ông làm bài phú dạy con (còn được gọi là *Giáo tử phú*) thể hiện tình cảm sâu nặng của ông đối với con cái, gia đình. Trong *Thơ văn Lý Trần*, tập II, quyển Thượng, xuất bản năm 1989 để bài phú này vào phần *Phụ lục*. Một số tác phẩm chỉ còn được ghi trong sử sách mà ngày nay không còn. Đó là *Tiểu ấn quốc âm thi tập* của Chu Văn An. Chữ Nôm ra đời và lúc đầu sử dụng để phục vụ nhu cầu phát triển đạo Phật và trong nhà chùa là chính. Mặc dù

chữ Nôm được cấu tạo trên cơ sở chữ Hán, nhưng nó được dùng để ghi tiếng nói dân tộc, biên chép, sáng tác văn học. Thông qua chữ Nôm nhân dân ta dễ hiểu hơn ngữ nghĩa của kinh Phật và các áng văn thơ trác luyện. Kho tàng văn bản chữ Nôm đến ngày nay trở thành là một di sản văn hóa quý giá của dân tộc. Tác giả Nguyễn Tài Cẩn đã nhận xét: "Sự xuất hiện của chữ Nôm là một thành tựu văn hóa. Nhưng đó là thành tựu văn hóa của giai đoạn lịch sử nào? Về vấn đề này, trước hết, nếu nhìn lịch sử thành từng giai đoạn lớn, thì có thể trả lời một cách khá dứt khoát như sau: đây là một thành tựu văn hóa lớn của thời kỳ phát triển bước đầu của một nhà nước phong kiến dân tộc đang ở giai đoạn đi lên, trong những thế kỷ đầu tiên sau khi nước nhà giành được độc lập: thành tựu của giai đoạn từ đầu thế kỷ X đến đầu thế kỷ XV"[4].

Tóm lại, thời Trần là một triều đại thể hiện sự nghiệp giáo dục và thi cử hết sức nghiêm minh. Chúng ta chưa thấy tư liệu nào cho biết tình trạng gian lận trong thi cử hoặc có thể đỗ đạt bằng cách mua bằng tiền. Điều mà chúng ta từng thấy "sinh đồ 3 quan" ở những thế kỷ sau. Thông qua giáo dục và thi cử nhà nước đã tuyển chọn được đội ngũ quan lại tài giỏi phục vụ đất nước. Triều đình nhà Trần trọng dụng những người thực tài mà không kể đến đường xuất thân. Đây cũng là điểm đặc biệt của một triều đại từng đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giáo dục.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, Chứng tích xưa nhất về chữ Nôm - Một tấm bia đời Lý Cao Tông, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 134 - 1970, tr.45-46.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971,
3. Nguyễn Danh Phiệt, Vài nét về giáo dục khoa cử thời Lý - Trần, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-1977.
4. Nguyễn Tài Cẩn, *Chữ Nôm, một thành tựu văn hóa của thời đại Lý- Trần*, trong *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý- Trần*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.485-486.
5. *Nho học và giáo dục khoa cử trong Lịch sử Việt Nam thế kỷ X đến đầu thế kỷ XIV*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
6. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phần Khoa mục chí, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
7. *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý -Trần*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.447-475.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXII, N<sub>0</sub>3, 2006

## THE PRINCIPLE REMARKS OF THE TRAN DYNASTY'S EDUCATION

**Dr. Nguyen Thi Phuong Chi**

*Institute of History, Vietnam Academy of Social Sciences*

The main remarks on the education in the Tran dynasty manifested itself in some following characteristics: Confucian education more and more developed and advantage; Under the Tran time's education, a Confucian intelligentsia was well trained and they positively participated in the activities of administrative management; This education also contributed to flourish the Nom script. According to the education and examinations, the Tran court selected the talented mandarins for attending to the country. The Tran court also used at an important function the real candidates without any descended sources. This also was the Tran dynasty's special remarks which even reached many achievements on whole fields, among them, there was the educational one.